

Số: 1564/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
của huyện Lý Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Lý Sơn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn tại Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lý Sơn và Tờ trình số 6817/TTr-STNMT ngày 30/12/2022

của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Lý Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Lý Sơn, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch *(chi tiết Biểu 01 kèm theo)*.
2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 *(chi tiết Biểu 02 kèm theo)*.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 *(chi tiết Biểu 03 kèm theo)*.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 *(chi tiết Biểu 04 kèm theo)*.
5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023.

Tổng danh mục các công trình dự án thu hồi đất là 04 công trình, dự án với tổng diện tích là 19,38ha. Trong đó:

- Có 01 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 0,8ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 *(Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo)*.

- Có 03 công trình, dự án thu hồi đất xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với diện tích 18,58ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 *(Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo)*.

6. Danh mục các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai.

- Có 01 công trình, dự án trước năm 2020 không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với tổng diện tích 3,2ha *(Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo)*.

- Có 01 công trình, dự án trong năm 2020 không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với tổng diện tích 0,16ha *(Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo)*.

7. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023.

Trong năm 2023, UBND huyện Lý Sơn đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 05 công trình, dự án với tổng diện tích 22,47ha *(Có Phụ biểu 05 kèm theo)*.

8. Có 05 công trình, dự án loại bỏ không tiếp tục thực hiện trong năm 2023 *(Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo)*.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và chịu trách nhiệm nội dung đăng ký danh mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới trong năm kế hoạch sử dụng đất đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai mà phát hiện công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét điều chỉnh quyết định cho đúng quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lý Sơn chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, đề xuất UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Lý Sơn đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN01.



Trần Phước Hiền

Biểu 01

PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH

HUYỆN LÝ SON THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Loại đất		
1	Đất nông nghiệp	NNP	858,83
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	398,60
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	49,57
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	117,50
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	20,16
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	322,55
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	44,74
2.2	Đất an ninh	CAN	0,65
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,78
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,47
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	163,14
	Trong đó:		
-	Đất giao thông	DGT	96,14
-	Đất thủy lợi	DTL	23,55
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,40
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	1,73
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	8,43
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,77
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,00
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,25
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,60
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,14
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,76
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	19,85
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,16
-	Đất chợ	DCH	1,15
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,46
2.7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,01
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	90,00
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	3,35
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,92
2.11	Đất tín ngưỡng	TIN	3,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,03
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	131,48
II	Khu chức năng		
1	Đất khu kinh tế	KKT	
2	Khu du lịch	KDL	3,20
3	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	7,63
4	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	14,45
5	Khu dân cư nông thôn	DNT	266,79

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 02



KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023

HUYỆN LÝ SƠN THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	39,50
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	39,21
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,29
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,28
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,16
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,52
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	1,26
-	Đất thủy lợi	DTL	0,19
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,14
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,26
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,03
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,64
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	
-	Đất chợ	DCH	
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,50

2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08
2.11	Đất tín ngưỡng	TIN	0,02
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

Biểu 03

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

HUYỆN LÝ SƠN THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 4.504/QĐ-UBND ngày 31. tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	39,50
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	39,21
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,29
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.3	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)	
2.4	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR(a)	
2.5	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR(a)	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^(a)</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,13

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở.



Biểu 04

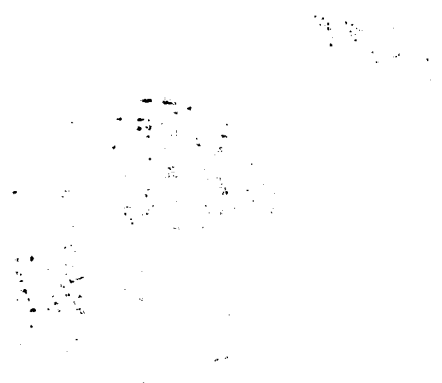
KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2023

HUYỆN LÝ SƠN THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 31. tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	13,26
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,30
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	11,97
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	11,86
-	Đất thủy lợi	DTL	0,07
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,04
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
-	Đất chợ	DCH	
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,08
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,91
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.11	Đất tín ngưỡng	TIN	

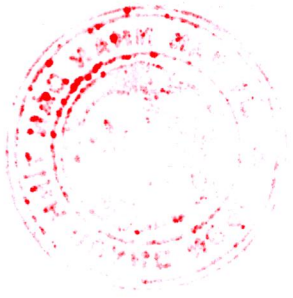


DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN LÝ SON

(Kèm theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Vị trí (trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Chức năng, quyết định ghi vốn	Nguồn vốn, kinh phí (Triệu đồng)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
1	Bổ sung diện tích dự án: Bể chứa nước 3 thuộc hệ thống trữ nước sinh hoạt kết hợp tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đảo Lý Sơn	0,80	Huyện Lý Sơn	TỜ số 48, 54	QĐ số: 2040 /QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt tổng mức đầu tư; Công văn số 666/UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh bổ sung dự án: Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiêu kiến cho nông nghiệp đảo Lý Sơn;	4.000,00		4.000,00					
Tổng cộng		0,80				4.000		4.000	-		-		



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN LÝ SON

(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Điện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Dự án Nâng cấp đường cơ động (Đoạn từ cầu vượt vũng neo đầu tàu thuyền thôn Tây xã An Vĩnh đến khách sạn Mưông Thanh), xã An Vĩnh huyện Lý Sơn.	3,60	An Vĩnh	3,58	0,02			Đã chi trả bồi thường hỗ trợ người dân, hiện còn vướng 14 hộ chưa nhận tiền hỗ trợ, bồi thường khoản 0,02 ha, do nguồn kinh phí đối ứng theo hình thức Hợp đồng - Chuyển giao (BT) đã chấm dứt tại Quyết định 741/QĐ-UBND; Tuy nhiên, ngày 29/6/2021 UBND huyện đã phê duyệt thiết kế và dự toán điều chỉnh của công trình tại Quyết định số 833/QĐ-UBND. Công trình này đã chuyển sang Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm chủ đầu tư	KH 2016
2	Dường cơ động phía đông nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 3), Bổ sung thêm các hạng mục: Tuyển nhân số 2; tuyển nhân số 5; Tuyển đường bao phía Đông nam đảo Lý Sơn, đoàn từ khách sạn Mưông Thanh đến Vũng neo đầu tàu thuyền thôn Đông xã An Hải	10,98	An Hải, An Vĩnh	0,23	Còn lại: 10,75 ha Là diện tích bồi thường, không hỗ trợ			Đã chi trả bồi thường, hỗ trợ người dân. (theo QĐ 111-165/QĐ-UBND ngày 09-01-2017). Nhưng vì nguồn vốn bố trí trong giai đoạn 2016-2019 chỉ đảm bảo 1/3 kế hoạch trung hạn, đồng thời Ngày 14/02/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 195/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; đến ngày 30/12/2020 UBND tỉnh có Quyết định số 2094/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 3), thời gian điều chỉnh 2016-2023.	Công trình đăng ký năm 2017, trong năm 2022 có điều chỉnh bổ sung thêm diện tích 6,48 ha cho các hạng mục:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Trục đường chính Trung tâm huyện Lý Sơn, (trong đó có bổ sung thêm diện tích 0,8 ha, trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021)	4,00	An Vĩnh, An Hải	3,90	0,10			Đã chi trả bồi thường hỗ trợ người dân, hiện còn vướng 06 hộ bị ảnh hưởng phải thu hồi đất ở và bố trí tái định cư, hiện tại chưa bố trí được đất tái định cư nên chưa thể thu hồi để hoàn thiện mặt bằng giao cho dự án.	KH 2020
	Tổng cộng	18,58							

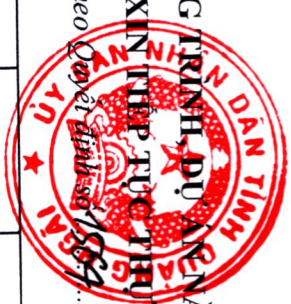
DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TRƯỚC NĂM 2020 KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUYẬT ĐẤT ĐAI

XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 HUYỆN LÝ SƠN
 (Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tổ hợp Du lịch văn hóa di sản Lý Sơn	3,20	An Hải					Chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng, thảo thuận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đạt 93 % diện tích của dự án. Còn lại một số hộ dân chưa thỏa thuận được công tác đi dời mở mà và phần diện tích đất công do UBND huyện đang quản lý 0,38 ha. Do vướng các quy định về đất công, tài sản công và có phần diện tích chưa phù hợp với đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt nên dự án xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023.	KH 2019
Tổng cộng		3,20							

Phụ biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN NĂM 2020 KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LƯẬT DẤT ĐAI
XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 HUYỆN LÝ SƠN
(Kèm theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)		
(1)		(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công trình PTS3 Dinh Tam Toà	0,16	Huyện Lý Sơn					Đang trình thủ tục về đất	KH 2020
	Tổng cộng	0,16							

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2020 KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LƯẬT ĐẤT ĐAI
XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 HUYỆN LÝ SƠN
 (Kèm theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi (ha)	Chưa thu hồi (ha)	Đã giao (ha)	Chưa giao (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công trình PTS3 Dinh Tam Toà	0,16	Huyện Lý Sơn					Đang trình thủ tục về đất	KH 2020
Tổng cộng		0,16							

Phụ biểu 05



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2023 HUYỆN LÝ SƠN
(Kèm theo Quyết định số 15.6.4/QĐ-UBND ngày 31. tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Tổng diện tích đấu giá (ha)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đấu giá quyền sử dụng đất ONT (3 vị trí)	Huyện Lý Sơn	0,28	3 vị trí
2	Đấu giá quyền sử dụng đất ở	Huyện Lý Sơn	0,14	
3	Đấu giá quyền sử dụng đất TMĐ	An Vĩnh huyện Lý Sơn	0,14	
4	Đấu giá quyền sử dụng đất ONT (Khu đất dọc đường cơ động từ Cảng cá đến cầu vượt An Vĩnh)	An Vĩnh huyện Lý Sơn	0,91	
5	Đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp, đất 5 % (đất công ích) thuộc quỹ đất do nguyên UBND cấp xã quản lý, sử dụng nay là UBND huyện quản lý, sử dụng	Huyện Lý Sơn	21,00	747 thửa đất nông nghiệp
Tổng			22,47	

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10



Phụ biểu 06

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LOẠI BỎ KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2023 CỦA HUYỆN LÝ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số ~~1564~~ **1564** QĐ-UBND ngày ~~21~~ **21** tháng ~~12~~ **12** năm ~~2022~~ **2022** của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm	Nguyên nhân loại bỏ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bể chứa nước 2A thuộc hệ thống trữ nước sinh hoạt kết hợp tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đảo Lý Sơn	0,90	Huyện Lý Sơn	Trong quá trình thực hiện có vướng mắc đến Di tích lịch sử văn hóa và thuộc khu vực nghĩa địa cũ rất nhiều mộ chôn cất dưới 3 năm, theo phong tục địa phương người dân không thống nhất di dời (Quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013)	KH 2020
2	Dự án Khu dịch vụ thương mại Châu Thịnh	0,56	An Hải, huyện Lý Sơn	Theo quy định của Luật Đầu tư. Hết thời gian thực hiện dự án đầu tư, chủ đầu tư không xin gia hạn. (Quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013)	KH 2020
3	Dự án Khu Khách sạn và Dịch vụ thương mại An Hải	0,93	An Hải, huyện Lý Sơn	Theo quy định của Luật Đầu tư. Hết thời gian thực hiện dự án đầu tư, (Quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013)	KH 2020
4	Khu đô thị Thương mại - Dịch vụ (Quy đất từ Kho bạc đến vòng xoay tam giác)	9,00	An Hải, An Vĩnh huyện Lý Sơn	Chưa phù hợp quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 và đang chờ đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 trình cấp thẩm quyền phê duyệt.	KH 2022
5	Khu tưởng niệm Nghĩa sỹ Hoàng Sa	1,50	An Hải, huyện Lý Sơn	Theo quy định của Luật Đầu tư. Hết thời gian thực hiện dự án đầu tư, chủ đầu tư không xin gia hạn. (Quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013)	KH 2020
	Tổng cộng	12,89			

